

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam trải qua phiên giảm sâu với hàng loạt cổ phiếu giảm sàn dưới áp lực bán mạnh bởi lo ngại làn sóng Covid-19 bùng phát trở lại

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm sàn trong phiên hôm nay khi Việt Nam xuất hiện ca nhiễm ngoài cộng đồng.

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, NKG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn, nâng dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

28/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,023.94	-6.67
VN30	1,010.75	-6.73
HĐTL VN30F1M	1,006.50	-7.00
HNXIndex	203.05	-8.03
HNX30	303.61	-8.20
UPCoM	69.12	-7.17
USD/VND	23,063	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.29	+9
Lãi suất qua đêm (%)	0.19	+9
Dầu (WTI, \$)	52.48	-0.70
Vàng (LME, \$)	1,839.64	-0.24



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,023.94 (-6.67%)
KLGD (triệu CP) 767.9 (+7.5%)
GTGD (triệu US\$) 797.6 (+9.7%)

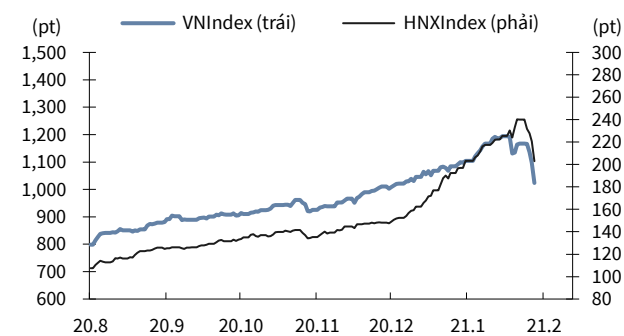
HNXIndex 203.05 (-8.03%)
KLGD (triệu CP) 119.3 (-17.9%)
GTGD (triệu US\$) 70.8 (-12.1%)

UPCoM 69.12 (-7.17%)
KLGD (triệu CP) 59.2 (+6.6%)
GTGD (triệu US\$) 35.0 (+11.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +24.4

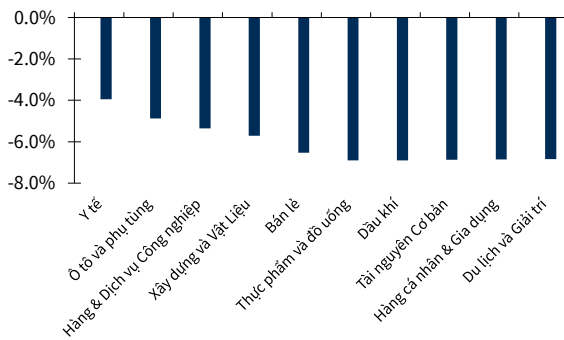
TTCK Việt Nam trải qua phiên giảm sâu với hàng loạt cổ phiếu giảm sàn dưới áp lực bán mạnh bởi lo ngại làn sóng Covid-19 bùng phát trở lại sau khi Bộ Y tế công bố có thêm 82 ca nhiễm mới trong cộng đồng. Thông tin trên tác động tiêu cực khiến hàng loạt cổ phiếu vốn hóa lớn giảm sàn như cổ phiếu ngành hàng không HVN (-7%), VJC (-7%), ngành ngân hàng VCB (-7%), TCB (-7%), ngành hàng tiêu dùng MWG (-7%), PNJ (-6.9%). Hiệp hội Bất động sản TP.HCM cảnh báo khả năng một số khoản vay tín dụng bất động sản có nguy cơ chuyển thành nợ xấu và thị trường bất động sản chưa đảm bảo phát triển ổn định và bền vững khiến cổ phiếu nhóm bất động sản giảm giá mạnh NLG (-7%), KDH (-7%), DXG (-7%). Cổ phiếu GAS (-7%) giảm sâu sau khi công bố kết quả kinh doanh 2020 giảm 34.4% so với cùng kỳ, kéo theo diễn biến tiêu cực ở các cổ phiếu khác trong ngành như PVD (-6.8%), PVS (-10%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng ở HPG (-7%), VHM (-7%), STB (-7%).

VNIndex & HNXIndex



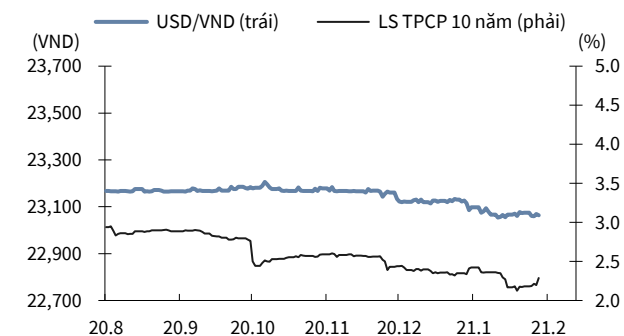
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



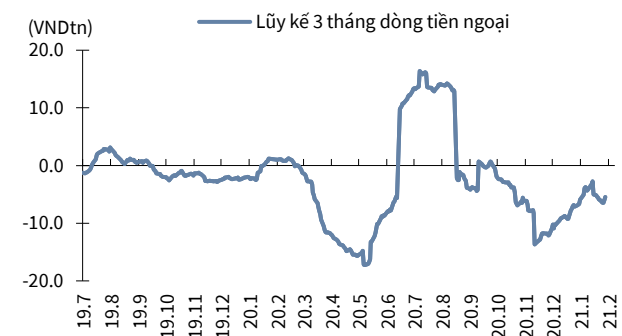
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

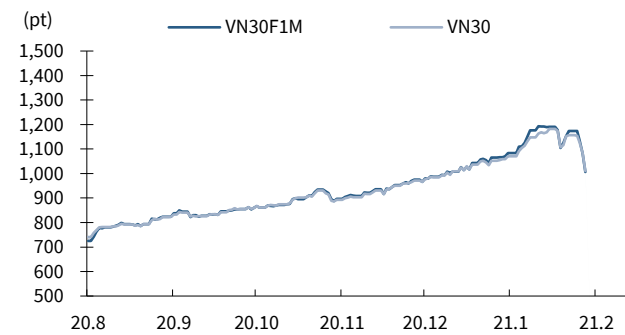
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,010.75 (-6.73%)
VN30F1M	1,006.5 (-7.00%)
Mở cửa	1,050.0
Cao nhất	1,050.0
Thấp nhất	1,006.5

HĐTL giảm sàn trong phiên hôm nay khi Việt Nam xuất hiện ca nhiễm ngoài cộng đồng. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức -38.63 và giao động trong ngưỡng -3.9 và 17.29 trong phiên sáng trước khi đóng cửa ở mức -4.25. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường giảm do bên cầu trở nên dè dặt.

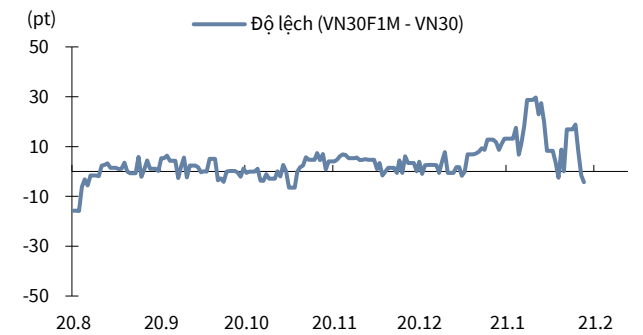
KLGD (HĐ) **156,334 (-45.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



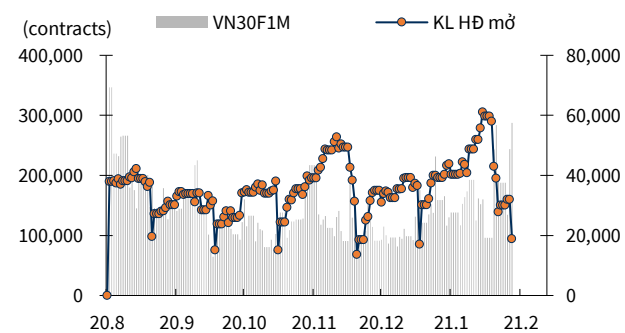
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



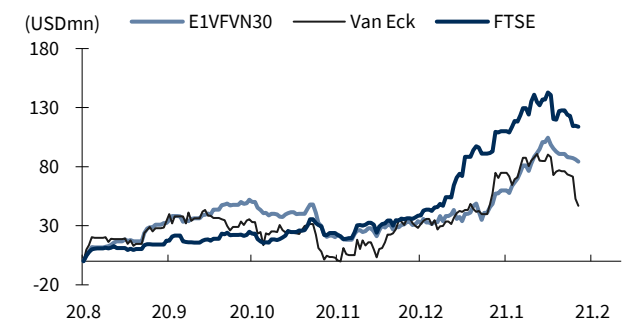
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

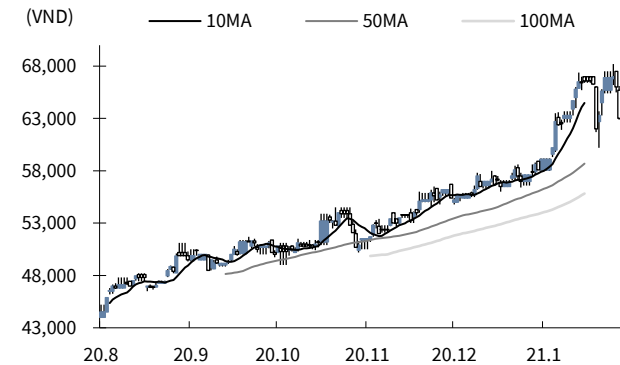
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn FPT (FPT)

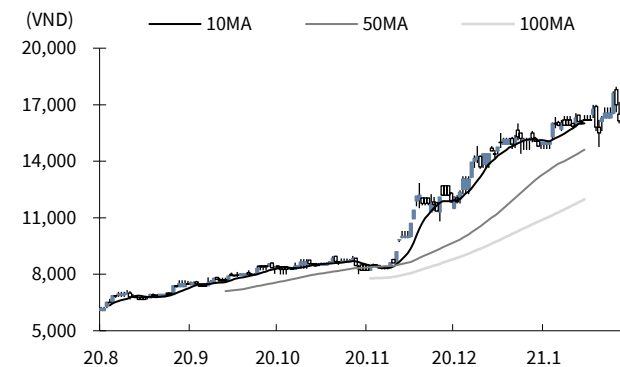


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT giảm -7% xuống 58,600 VNĐ/cp.

- FPT vừa phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2021 với lợi nhuận 6,210 tỷ đồng (+18% YoY), doanh thu 34,720 tỷ đồng (+16.4% YoY). HĐQT quyết định sẽ tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Phần mềm FPT từ mức 2,800 tỷ lên 3,300 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Đầu tư FPT từ mức 800 tỷ lên 1,000 tỷ đồng; thành lập công ty con FPT Digital với mục tiêu cung cấp dịch vụ tư vấn lộ trình chuyển đổi số.

Thép Nam Kim (NKG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

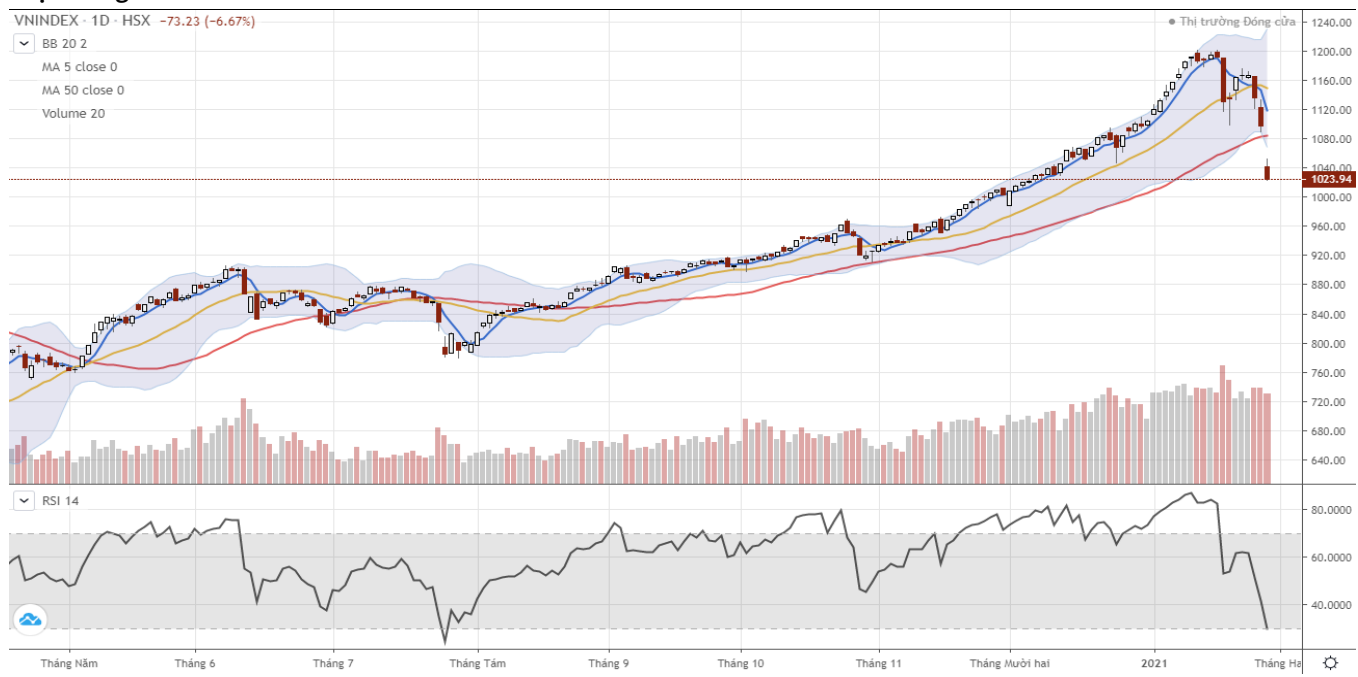
- NKG giảm -6.8% xuống 15,050 VNĐ/cp.

- NKG công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với lợi nhuận 154 tỷ đồng (+2051% YoY), doanh thu 3,418 tỷ đồng (+7% YoY). Theo đó lũy kế cả năm 2020, công ty ghi nhận lợi nhuận 295.4 tỷ đồng (+525% YoY) và doanh thu đạt 11,600 tỷ đồng (-5% YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

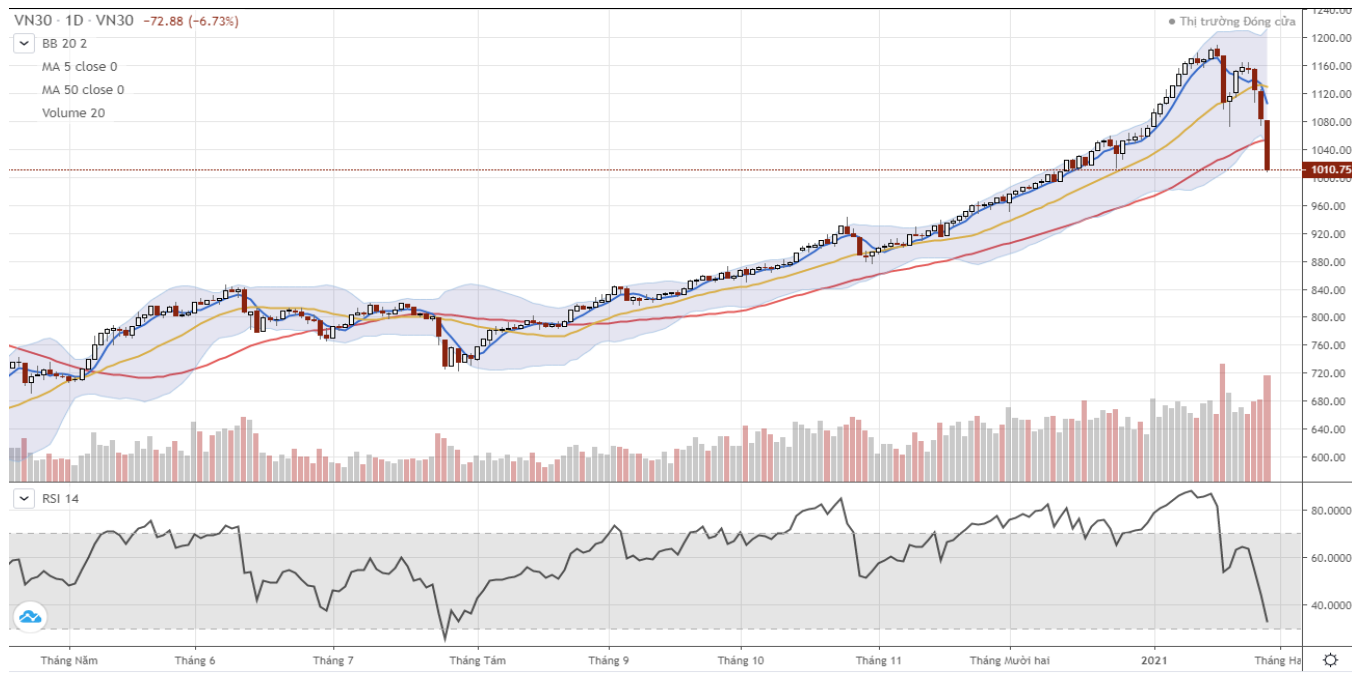
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm sâu ngay từ đầu phiên, giằng co hồi phục nhẹ trước khi lao dốc và giảm gần hết biên độ.
- Với mẫu nến giảm tiêu cực trong phiên hôm nay, nhiều khả năng VNIndex sẽ có thêm nhịp lao dốc trong phiên ngày mai và thử thách vùng hỗ trợ trung hạn tại 960-980 trước khi có thể cho phản ứng hồi phục.
- NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn, nâng dần tỷ trọng của các vị thế ngắn hạn khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1045 - 1055

Kháng cự gần: 1025 - 1030

Hỗ trợ gần: 970 - 980

Hỗ trợ xa: 945 - 955

- F1 mở gap giảm điểm sâu ngay từ đầu phiên, giảm co hồi phục nhẹ trước khi lao dốc và giảm hết biên độ.
- Với mẫu nến giảm tiêu cực trong phiên hôm nay, nhiều khả năng chỉ số sẽ có thêm nhịp lao dốc trong phiên ngày mai và thử thách vùng hỗ trợ trung hạn tại 950-970 trước khi có thể cho phản ứng hồi phục.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG nếu chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ xa.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Có thể mở lại 1 phần vị thế LONG khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

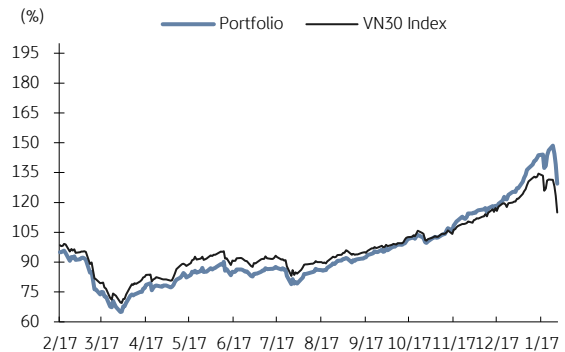
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-6.73%	-6.94%
Tăng lũy kế (YTD)	14.98%	29.38%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	124,200	-7.0%	7.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	31,650	-6.9%	29.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	77,700	-6.9%	1.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22,350	-6.9%	31.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	48,300	-6.9%	42.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	58,600	-7.0%	75.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,350	-6.9%	24.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	73,500	-7.0%	0.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	37,500	-6.9%	91.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	36,850	-6.9%	169.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-7.0%	31.1%	68.5
VHM	-6.9%	22.2%	49.8
STB	-7.0%	9.6%	31.7
MSN	-7.0%	32.0%	26.8
VIC	-7.0%	14.0%	26.6
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PAC	-5.7%	16.9%	-36.7
VNM	-7.0%	57.7%	-16.6
VCB	-7.0%	23.7%	-16.1
MBB	-6.9%	23.0%	-14.9
FCN	-6.6%	44.3%	-9.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	-3.6%	5.8%	0.7
SZB	-9.9%	5.1%	0.7
VCS	-10.0%	3.4%	0.6
PLC	-9.8%	2.0%	0.4
IDV	-6.2%	17.5%	0.0
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-8.7%	3.7%	-1.7
SHS	-9.7%	9.0%	-0.9
LHC	-9.9%	21.8%	-0.6
DNM	9.8%	5.5%	-0.4
CTB	-1.1%	6.1%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.4%	PNC, YEG
Bán lẻ	-2.6%	BTT, CMV
Xây dựng và Vật Liệu	-4.0%	VGC, ROS
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.2%	TCM, STK
Y tế	-7.5%	PME, SPM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-18.1%	SSI, VCI
Bảo hiểm	-16.7%	BVH, BMI
Hóa chất	-16.1%	GVR, PHR
Dầu khí	-15.2%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	-15.1%	HPG, HSG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	5.0%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.1%	TCM, STK
Bán lẻ	2.0%	MWG, ABS
Công nghệ thông tin	0.9%	SGT, SAM
Xây dựng và Vật Liệu	0.3%	VGC, ROS
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-17.0%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13.1%	GAS, POW
Truyền thông	-11.9%	YEG, PNC
Dầu khí	-11.8%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-11.4%	SSI, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,000	314,566 (13,639)	130,275 (5.6)	22.7	49.8	38.2	20.7	7.3	8.5	3.3	3.0	-7.0	-	-	-14.0
	VHM	VINHOMES JSC	87,400	287,504 (12,466)	270,903 (11.7)	26.8	10.8	9.1	34.2	36.8	30.8	3.4	2.5	-6.9	-	-	-2.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,050	72,828 (3,158)	255,790 (11.1)	17.7	32.1	23.2	-11.5	8.1	10.6	2.5	2.4	-7.0	-	-	2.1
	NVL	NO VA LAND INVES	75,800	80,648 (3,497)	385,338 (16.7)	31.4	19.6	18.8	3.1	16.1	13.5	2.8	2.5	-6.7	-	-	16.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,900	17,826 (773)	48,131 (2.1)	11.0	16.4	14.3	13.9	14.0	15.1	2.2	2.0	-6.9	-	-	8.9
	DXG	DAT XANH GROUP	19,550	10,133 (439)	202,262 (8.8)	13.9	9.9	6.6	-	13.7	18.2	1.3	1.1	-6.9	-	-	22.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	90,600	336,024 (14,570)	105,515 (4.6)	6.3	17.1	13.5	17.8	19.3	20.7	2.9	2.5	-7.0	-	-	-7.5
	BID	BANK FOR INVESTM	38,450	154,647 (6,705)	98,958 (4.3)	12.7	27.7	17.4	-7.2	9.3	12.2	1.9	1.8	-6.9	-	-	-19.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	31,200	109,353 (4,741)	575,065 (24.9)	0.0	8.4	7.2	14.4	16.4	16.2	1.3	1.1	-6.9	-	-	-1.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,350	113,005 (4,900)	352,202 (15.3)	1.4	12.0	9.0	31.2	12.6	14.8	1.4	1.2	-6.9	-	-	-12.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	29,650	72,783 (3,156)	206,038 (8.9)	0.0	6.8	6.1	18.8	18.5	17.2	1.2	1.0	-6.9	-	-	-8.8
	MBB	MILITARY COMMERC	22,350	62,552 (2,712)	499,474 (21.6)	0.0	6.8	5.6	14.6	18.1	18.6	1.1	1.0	-6.9	-	-	-1.9
	HDB	HDBANK	21,700	34,585 (1,500)	138,681 (6.0)	4.2	6.5	5.6	23.4	19.0	18.5	1.1	1.0	-6.9	-	-	-8.6
	STB	SACOMBANK	16,050	28,949 (1,255)	642,650 (27.9)	14.1	12.9	9.7	32.4	8.4	9.9	1.0	0.9	-7.0	-	-	-5.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,350	24,089 (1,044)	94,752 (4.1)	0.0	6.6	5.6	37.5	19.9	19.7	1.2	1.0	-7.0	-	-	-12.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,100	22,253 (965)	14,816 (0.6)	0.0	26.1	29.8	13.6	5.3	4.4	1.3	1.3	2.3	-	-	-6.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	54,000	40,085 (1,738)	76,288 (3.3)	20.8	31.7	25.6	4.3	6.8	8.2	2.0	1.9	-6.9	-	-	-18.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,350	2,224 (096)	27,798 (1.2)	14.7	11.7	9.6	8.4	9.4	11.1	0.9	0.9	-6.9	-	-	-20.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	27,750	16,623 (721)	435,905 (18.9)	55.5	14.4	14.3	-4.1	10.3	11.6	-	-	-6.9	-	-	-16.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	49,050	8,123 (352)	92,216 (4.0)	73.0	10.5	-	-4.0	15.5	-	-	-	-6.9	-	-	-15.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	25,850	7,885 (342)	182,211 (7.9)	51.2	14.9	-	-19.0	14.6	-	-	-	-6.8	-	-	-17.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	22,600	4,713 (204)	162,793 (7.1)	26.5	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-7.0	-	-	-24.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	96,100	200,815 (8,707)	309,015 (13.4)	42.3	19.6	17.6	6.8	38.9	39.1	6.8	6.2	-7.0	-	-	-11.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	173,800	111,455 (4,833)	32,991 (1.4)	36.9	21.4	17.9	7.3	24.9	26.8	4.8	4.3	-7.0	-	-	-10.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	85,300	100,200 (4,345)	224,939 (9.7)	17.0	92.3	37.9	-52.5	3.5	9.7	3.2	2.9	-7.0	-	-	-4.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,200	12,416 (538)	148,658 (6.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-6.7	-	-	-23.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	121,700	63,751 (2,764)	88,130 (3.8)	11.1	-	29.2	-	-4.3	14.1	4.4	3.9	-7.0	-	-	-2.6
	GMD	GEMADEPT CORP	28,800	8,680 (376)	135,542 (5.9)	11.0	21.1	19.3	-53.1	7.1	7.5	1.4	1.4	-6.9	-	-	-11.7
	CII	HO CHI MINH CITY	20,400	4,872 (211)	70,311 (3.0)	40.4	10.8	10.1	136.8	9.1	8.9	0.9	0.9	-6.8	-	-	-4.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	4,810	2,730 (118)	101,019 (4.4)	45.9	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-	-	90.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,500	9,398 (408)	194,220 (8.4)	37.5	26.7	11.2	-17.7	11.3	12.4	-	-	-6.9	-	-	-13.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	70,500	5,379 (233)	113,252 (4.9)	3.3	10.8	9.8	-40.4	6.3	6.5	0.6	0.6	-7.0	-	-	-9.3
	REE	REE	48,300	14,927 (647)	34,959 (1.5)	0.0	10.1	8.9	-9.1	13.4	14.0	1.3	1.2	-6.9	-	-	-1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,500	140,675 (6,100)	95,289 (4.1)	46.0	17.4	14.4	-15.4	16.9	22.5	2.9	2.8	-7.0	-	-	-15.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,550	6,492 (281)	21,159 (0.9)	31.1	9.6	8.0	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.5	-6.8	-7.4	-8.0	-8.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,250	8,095 (351)	14,259 (0.6)	34.0	9.7	9.7	-5.3	14.4	14.3	1.4	1.3	-6.8	-8.7	4.8	3.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	37,500	124,248 (5,387)	927,266 (40.2)	18.0	10.8	8.5	15.9	21.1	22.1	2.3	1.9	-6.9	-	-	-9.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,450	6,046 (262)	56,906 (2.5)	36.2	8.5	9.4	8.0	9.7	8.9	0.7	0.7	-6.9	-	-	-17.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,300	6,512 (282)	58,048 (2.5)	46.1	11.5	15.1	-2.1	10.1	7.8	1.0	1.0	-6.8	-	-	-12.1
	HSG	HOA SEN GROUP	21,850	9,708 (421)	204,284 (8.9)	37.9	8.4	7.6	67.9	15.9	15.5	1.3	1.1	-6.8	-	-	-1.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,950	2,872 (125)	54,713 (2.4)	97.1	7.1	7.6	38.5	11.7	10.1	0.8	0.8	-6.8	-	-	-10.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	47,200	57,528 (2,494)	55,354 (2.4)	4.4	54.8	17.5	-44.1	4.9	15.3	2.5	2.3	-6.9	-	-	-13.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,000	7,159 (310)	236,304 (10.2)	40.5	54.2	53.4	-6.2	0.9	0.9	0.5	0.5	-6.8	-	-	4.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,450	5,000 (217)	107,698 (4.7)	35.8	9.7	9.4	-8.6	11.1	10.4	0.9	0.8	-6.9	-	-	10.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	124,200	57,968 (2,513)	160,214 (6.9)	0.0	14.4	11.0	13.7	28.1	28.3	3.7	2.9	-7.0	-	-	4.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	77,700	17,672 (766)	59,539 (2.6)	0.0	14.6	11.6	7.0	22.9	23.3	3.0	2.4	-6.9	-	-	-4.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,500	1,267 (055)	3,351 (0.1)	70.5	17.0	12.4	-28.1	6.7	8.5	1.1	1.0	-6.9	-	-	-12.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,450	2,089 (091)	66,620 (2.9)	31.3	63.1	18.9	-48.9	2.8	9.3	1.7	1.7	-6.9	-	-	-17.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,400	7,913 (343)	72,933 (3.2)	35.1	8.3	14.8	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	-6.9	-	-	-7.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	96,000	12,552 (544)	2,220 (0.1)	45.3	16.5	15.9	10.7	20.3	19.7	3.1	2.9	-5.0	-	-	-7.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,600	5,671 (246)	612 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	-	-	-1.2
IT	FPT	FPT CORP	58,600	45,937 (1,992)	151,951 (6.6)	0.0	11.5	9.8	15.5	25.4	27.2	2.5	2.3	-7.0	-	-	-0.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khoảng Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhtt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.